| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 374/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông SoRoLes;

2. Bà Võ Thị Kim Linh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Nguyễn Bảo Thịnh, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2019/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Mai Tr, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 02, ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG;

Bị đơn: Anh Lâm Phi C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị Lý Thị Mai Tr và Anh Lâm Phi C đều có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lý Thị Mai Tr trình bày*:

Về tình cảm: Vào năm 2005, chị Tr và anh C tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị Tr và anh C chung sống tại nhà anh C, địa chỉ: Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, chị Tr và anh C chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3/2016, chị Tr và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Tr và anh C, sống xa nhau từ tháng 3/2016 cho đến nay, trong thời gian sống xa nhau, chị Tr và anh C không có hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị Tr yêu cầu ly hôn với Anh Lâm Phi C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh C có 02 con chung tên Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014.

Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Lâm Phi C trình bày:*

Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện đi đến chung sống, anh C thống nhất như trình bày của chị Tr. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh C cho rằng do anh C và chị Tr cự cãi với nhau về vấn đề tiền bạc trong gia đình, chị Tr tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó chị Tr đi làm thuê ở Bình Dương và sống xa nhau từ tháng 3/2016 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh C không có hàn gắn tình cảm với chị Tr. Anh C thống nhất thuận tình ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh C có 02 con chung tên Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014.

Anh C đồng ý giao 02 (hai) con chung cho chị Tr nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về con chung, không hòa giải về tình cảm do chị Tr và anh C không đăng ký kết hôn;

- Tại phiên tòa, chị Tr và anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh ngày 25/7/2019 của Uỷ ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG về việc chị Tr và anh C không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị Tr và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn. Năm 2016, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Quá trình chung sống, chị Tr và anh C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung, chị Tr và anh C có 02 (hai) con chung tên Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C đồng ý giao 02 (hai) con chung cho chị Tr nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Chị Lý Thị Mai Tr và Anh Lâm Phi C là vợ chồng.

Về con chung: Chị Tr được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014. Anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Lý Thị Mai Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lý Thị Mai Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Lâm Phi C. Anh C có nơi cư trú: Tổ 14, ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2005, chị Tr và anh C tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị Tr và anh C chung sống tại nhà anh C, địa chỉ: Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, chị Tr và anh C chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3/2016, chị Tr và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, thường xuyên cãi vã với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Tr và anh C, sống xa nhau từ tháng 3/2016 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau cho đến nay, chị Tr và anh C không hàn gắn tình cảm.

Theo kết quả xác minh ngày 25/7/2019 của Uỷ ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG: Chị Tr và anh C không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị Tr và anh C chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận Chị Lý Thị Mai Tr và Anh Lâm Phi C là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai bị đơn và tại phiên toà, chị Tr và anh C đồng thống nhất khai có 02 (hai) con chung tên Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014. Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/6/2019 và tại phiên tòa, cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị Tr vì được đi học và có cuộc sống ổn định. Anh C đồng ý giao 02 con chung cho chị Tr được tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Tr được nuôi dạy 02 con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh C đồng thống nhất khai: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp. Anh C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Lý Thị Mai Tr và Anh Lâm Phi C là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lý Thị Mai Tr được nuôi dạy 02 (hai) cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 16/9/2006 và Lâm Tuấn Kh, sinh ngày 06/5/2014 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lâm Phi C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lý Thị Mai Tr phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0001948 ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Lâm Phi C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của Chị Lý Thị Mai Tr và Anh Lâm Phi C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**